**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN L**
**TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 30-01-2018.
*"V/v Tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH TRÀ VINH.**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Liên.
*Các hội thẩm nhân dân*: 1/ Ông Nguyễn Văn Xuôi
2/ Ông Kiên Ngọc Minh.

***Thư ký phiên toà*:** Ông Đinh Văn Dư - Thư Ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L:*** Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2018, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 100/2017/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc: "*Tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1988 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.
*Bị đơn:* Ông Đoàn Hoàng V, sinh năm 1985.
Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện L, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T có lời trình bày như sau:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà với ông Đoàn Hoàng V do tự tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L vào ngày 05/02/2009. Nữ trang trong ngày cưới gồm một đôi bông tai một chỉ vàng 24kra, trong thời gian chung sống vợ chồng đã thống nhất bán để làm ăn hiện nay không còn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc khoảng hai năm. Vào năm 2007 thì gia đình cha mẹ chồng cho vợ chồng bà cất nhà tre lá tạm bợ ra ở riêng. Cũng từ năm 2007 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do ông V

thường xuyên đi uống rượu, không chăm lo làm ăn, bà có khuyên nhưng ông V không nghe và còn xúc phạm bà, xúc phạm cha ruột của bà nhiều lần, bà buồn nên uống thuốc tự tử, nhưng được cứu sống, từ đó vợ chồng không còn tin tưởng nhau, gia đình không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài đến năm 2012 thì bà với ông V ly thân nhau cắt đứt quan hệ vợ chồng cho đến nay.

Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà với ông V không còn, hiện tại bà đã có gia đình khác và ông V cũng có quen người phụ nữ khác bên ngoài, thời gian tới không thể tiếp tục chung sống được nên bà yêu cầu xin được ly hôn với ông V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà với ông V có với nhau một người con chung tên B, sinh ngày 31/5/2006 hiện nay đang sống với bà. Sau khi ly hôn bà thống nhất theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà chưa yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Không có nên bà không yêu cầu gì.

***Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đoàn Hoàng V có lời trình bày như sau:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông với bà T do tự tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L vào ngày 05/02/2009. Nữ trang trong ngày cưới gồm một đôi bông tai một chỉ vàng 24kra, trong thời gian chung sống vợ chồng ông đã thống nhất bán để làm ăn hiện nay không còn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc khoảng hai năm, năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, do tính tình hai người không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cải đến năm 2012 thì vợ chồng ly thân nhau cắt đứt quan hệ vợ chồng và bà T về nhà cha mẹ ruột bà sống cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông với bà T có với nhau một người con chung tên B, sinh ngày 31/5/2006 hiện nay đang sống với bà T. Sau khi ly hôn bà thống nhất theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi và chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Không có nên ông không yêu cầu gì.

Theo em B có lời trình bày như sau: Em là con chung của ông Đoàn Hoàng V và mẹ là bà Nguyễn Thị Bích T, sau khi ba mẹ ly hôn nhau nguyện vọng của em là sống với bà T để thuận tiện cho việc học cũng như mọi sinh hoạt trong cuộc sống hằng ngày.

Tòa án có triệu tập hợp lệ ông Đoàn Hoàng V đến để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ kiện theo quy định của pháp luật nhưng ông Đoàn Hoàng V vắng mặt không lý do. Từ đó phiên hòa giải không tiến hành được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đoàn Hoàng V là bị đơn trong vụ án tại phiên Tòa hôm nay ông V vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T với ông V tự nguyện đi đến xác lập quan hệ hôn nhân, hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Trà Vinh vào ngày 05/02/2009, từ đó xác định hôn nhân giữa bà T với ông V là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn: Sau khi cưới bà T với ông V sống hạnh phúc được khoảng hai năm đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cải nhau, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn lại được. Bà T cho rằng nay tình cảm vợ chồng giữa bà với ông V không còn, thời gian tới không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà cương quyết xin được ly hôn với ông V. Theo bản tự khai của ông V viết vào ngày 12/01/2018 gửi đến Tòa án thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà T. Xét thấy quá trình chung sống giữa bà T với ông V do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm giúp đỡ nhau, cùng nhau nuôi dạy con chung mà khi vợ chồng cự cải phát sinh mâu thuẫn thì bỏ mặt nhau, không quan tâm đến nhau. Trong cuộc sống hằng ngày ông V thường xuyên đi uống rượu và về có những lời lẽ không hay với gia đình, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng thêm, bà T với ông V sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T với ông V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay bà T cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với ông V và theo lời khai của ông V thì ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông V với bà T và phù hợp với qui định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận này; Về quan hệ hôn nhân cho bà T với ông V được ly hôn với nhau.

[4] Về con chung: Xét thấy trong thời gian chung sống giữa bà T với ông V có với nhau một người con chung là tên B, sinh ngày 31/5/2006 hiện đang sống với bà T. Theo nguyện vọng của em B là sau khi bà T với ông V ly hôn nhau thì nguyện vọng của em là được sống với bà T để thuận tiện cho việc học cũng như mọi sinh hoạt trong cuộc sống hằng ngày.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà T chưa yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Không có, bà T và ông V không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các đương sự phải có nghĩa vụ nộp theo qui định pháp luật.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 01 điều 28; điều 35, điều 147; điều 179 và điều 227 và điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Bích T với ông Đoàn Hoàng V được ly hôn với nhau.

[3] Về con chung: Giao em B, sinh ngày 31/5/2006 cho bà Nguyễn Thị Bích T được quyền tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

[4} Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ nộp 300.000đồng, nhưng được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2015/0012691, ngày 16/01/2017 do bà Nguyễn Thị Bích T nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện L thu. Bà Nguyễn Thị Bích T đã nộp đủ án phí.

[6] Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với Đoàn Hoàng V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] *"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Liên**